TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐĂK LĂK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số 22/2019/DS-ST
Ngày 14 - 11 - 2019
V/v tranh chấp tiền lãi
theo hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK,TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Y Đo Niê; bà Bùi Thị Thêm.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng, thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp tiền lãi theo hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Hoàng Thị L sinh năm 1963. Địa chỉ: thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: bà Võ Thị Hồng H sinh năm 1971. Nơi đăng ký HKTT: thôn 4, xã K, huyện M, tỉnh Đ. Địa chỉ: tổ dân phố 10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị P sinh năm 1983. Địa chỉ: thôn 16, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Người làm chứng:

- Bà Dương Thị P L1 sinh năm 1977. Địa chỉ: thôn 01, xã E, huyện E, tỉnh Đ. Vắng mặt.

- Ông Hồ Văn M sinh năm 1971. Địa chỉ: thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Ngày 05/02/2016, bà L vay của bà Võ Thị Hồng H 230.000.000đồng trong thời hạn 30 ngày, theo lãi suất do các bên thỏa thuận. Sau đó, bà L cho bà Trần Thị

P vay lại toàn bộ số tiền trên. Do bà P không trả được nợ cho bà L nên giữa bà Loan, bà H và bà P thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ. Theo thỏa thuận, bà P nhận nghĩa vụ trả nợ cho bà H thay bà Loan.

Ngày 05/4/2016, bà P đã trả cho bà H 30.000.000đồng, nên bà P viết lại giấy vay tiền để xác định số tiền còn nợ bà H là 200.000.000đồng. Do bà P không trả tiền cho bà Hạnh, nên ngày 19/01/2017, bà H yêu cầu bà L phải trả cho bà H số nợ còn lại và tiền lãi phát sinh.

Ngày 21/01/2017, bà L trả cho bà H 100.000.000đồng với sự chứng kiến của ông Hồ Văn M. Do viết sai nên các bên đã lập 03 văn bản có nội dung tương tự, trong đó có 01 văn bản bà H tự viết đã nhận của bà L 100.000.000đồng và 02 văn bản do bà L viết với nội dung bà L trả cho bà H 100.000.000 đồng trong số tiền 230.000.000 đồng bà L vay bà H ngày 05/2/2016.

Theo cách tính của bà H, bà L phải trả cho bà H 270.000.000 đồng, bao gồm: 200.000.000đồng tiền gốc và 70.000.000 đồng tiền lãi. Việc tính toán của bà H được lập thành văn bản theo "Giấy nhận khất nợ ngày 21/01/2017". Bà L đã trả xong 270.000.000đồng cho bà H thành nhiều lần, bao gồm: 100.000.000đồng vào ngày 21/01/2017; 20.000.000đồng vào ngày 16/01/2017; 150.000.000đồng vào ngày 04/3/2017. Bà L đã thất lạc bản gốc các tài liệu nên không giao nộp cho Tòa án được.

Số tiền lãi 70.000.000đồng bà L đã phải trả cho bà H trên số nợ gốc là 200.000.000 đồng từ ngày 05/02/2016 đến ngày 21/01/2017 là quá cao so với quy định pháp luật. Nay bà L chỉ chấp nhận trả cho bà H 26.325.000 đồng tiền lãi của số nợ gốc là 200.000.000 đồng từ ngày 05/02/2016 đến ngày 21/01/2017 theo lãi suất 1,125%/tháng.

Bà L yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị Hồng H phải trả lại cho bà L 43.675.000 đồng là số tiền lãi mà bà L đã trả cho bà H vượt quá theo quy định pháp luật (tức là 70.000.000 đồng – 26.325.000 đồng).

* Tại bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thị Hồng H trình bày:

Ngày 05/02/2016, bà H cho bà L vay 230.000.000đồng với thời hạn vay đến ngày 05/3/2016. Sau khi vay, bà L trình bày bà P cũng nợ bà L 230.000.000 đồng và nhờ bà H lấy nợ từ bà P giúp bà Loan. Nếu bà P trả nợ thì sẽ được cấn trừ vào số tiền bà L nợ bà Hạnh. Ngày 05/4/2016, bà P trả cho bà H 30.000.000đồng và thỏa thuận sau đó bà P tiếp tục trả nợ cho bà Hạnh, nên bà P đã viết giấy nhận nợ bà H 200.000.000 đồng. Đồng thời, bà H yêu cầu bà viết 01 giấy nhận nợ tương tự, nếu bà P không trả nợ cho Hạnh, thì bà L có trách nhiệm trả cho bà Hạnh.

Sau khi bà P trả cho bà H 30.000.000 đồng thay bà Loan, bà P không trả nợ cho bà H nữa, nên bà H yêu cầu bà L phải tiếp tục trả cho bà H 200.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 05/4/2016. Ngày 21/01/2017, bà H có viết 01 giấy nhận tiền của bà L 100.000.000đồng, nhưng sau khi bà H viết, bà L không trả nợ cho

bà H và không thống nhất về số tiền nợ gốc nên bà H đã thu hồi văn bản trên. Bà H không chấp nhận bản photo mà bà L giao nộp cho Tòa án.

Ngày 21/01/2017, bà H có nhận của bà L 20.000.000 đồng nhưng là khoản tiền nợ khác mà bà L trả cho bà H , không liên quan đến số tiền 200.000.000đồng. Bà H và bà L đã thanh toán xong với nhau nên bà H không lưu giữ tài liệu về các khoản nợ khác.

Trong số tiền 200.000.000đồng theo giấy nhận nợ ngày 05/4/2017, bà L đã trả cho bà H tiền gốc và tiền lãi nhiều lần, đến khoảng đầu tháng 3 năm 2017 bà L đã trả nợ xong cho bà H, bà H không còn lưu giữ giấy tờ nên không nhớ cụ thể. Để chia sẻ với bà L, nếu bà L chấp nhận hòa giải, thì bà H sẽ trả lại cho bà L 23.000.000đồng tiền lãi, nếu bà L không chấp nhận hòa giải thì bà H không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P trình bày: bà P vay của bà Hoàng Thị L 230.000.000 đồng từ năm 2015, không liên quan gì đến bà Võ Thị Hồng H. Bà P đã trả hết nợ gốc cho bà L nhưng vẫn còn nợ bà L 200.000.000đồng tiền lãi. Đến ngày 05/4/2016, bà L nói bà L cũng nợ bà H 200.000.000đồng và yêu cầu bà P phải viết giấy nhận nợ bà H là 200.000.000đồng, nhưng do bà P không trả nợ cho bà H thay bà L, nên bà L lại có nghĩa vụ trả nợ cho bà H. Thực tế, bà P không biết và cũng không liên quan gì đến việc bà L vay nợ của bà H.

Về khoản tiền lãi 69.000.000 đồng, làm tròn thành 70.000.000đồng mà bà L khởi kiện cho rằng bà H tính lãi cao, bà P không biết giữa bà L và bà H tính toán với nhau như thế nào. Có lần bà L nói với bà P khoản tiền mà bà P nợ bà L, bà L phải trả lãi cho bà H, nên bà L ép bà P phải ký giấy vay nợ với bà L và ghi nội dung "cộng 69.000.000đồng tiền lãi cô H" nhưng thực tế, bà P không chứng kiến và cũng không liên quan gì đến khoản nợ giữa bà L và bà H. Do đó, bà P đề nghị Tòa án không đưa bà P vào tham gia tố tụng trong việc giải quyết tranh chấp tiền lãi giữa bà L và bà H.

* Người làm chứng ông Hồ Văn M trình bày: ông M có chứng kiến việc bà L trả nợ cho bà H vào khoảng dịp tết âm lịch năm 2017 nhưng do thời gian đã lâu nên ông không nhớ rõ số tiền mà các bên đã giao cho nhau. Ông thừa nhận có ký là người chứng kiến trong văn bản được lập giữa bà L và bà H. Tuy nhiên, ông M không nhớ nội dung nên không xác định được các chứng cứ là tài liệu photo mà bà L giao nộp có phải là nội dung mà ông đã xác nhận làm chứng giữa bà L và bà H hay không.

* Người làm chứng bà Dương Thị P L1 trình bày: ngày 04/3/2017 bà Dương Thị P L1 cho bà Hoàng Thị L vay 150.000.000đồng để bà Hoàng Thị L trả xong nợ cho bà H.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa chấp hành đúng các quy định của BLTTDS; Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: buộc bị đơn bà Võ Thị Hồng H phải trả lại cho nguyên đơn bà Hoàng Thị L tiền lãi mà bà L đã trả cho bà H vượt quá theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn (bà Hoàng Thị L) yêu cầu Tòa án buộc bị đơn (bà Võ Thị Hồng H) phải trả lại số tiền lãi mà bà H đã tính vượt quá quy định của pháp luật đối với khoản tiền mà bà H đã cho bà L vay. Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về giao dịch dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, ngày 05/02/2016 bà L vay bà H 230.000.000đồng. Sau đó, bà Loan, bà H và bà P chuyển giao quyền và nghĩa vụ cho nhau. Cụ thể, ngày 05/4/2016, bà P thay bà L trả cho bà H 30.000.000đồng và ký giấy nhận trách nhiệm trả bà H 200.000.000đồng tiền nợ còn lại thay cho bà Loan. Nhưng sau khi ký giấy nhận nợ, bà P không trả nợ cho bà H, nên bà H yêu cầu bà L phải trả 200.000.000đồng theo giấy nhận nợ đề ngày 05/4/2016, số tiền nhận nợ này trong số tiền 230.000.000đồng mà bà L vay bà H vào ngày 05/02/2016. Bà L đã trả xong tiền gốc và tiền lãi cho bà H. Đây là tình tiết không phải chứng minh. Tuy nhiên, bà L cho rằng bà đã phải trả cho bà H 70.000.000đồng tiền lãi là quá cao, vượt quá quy định của pháp luật, nhưng bà H không thừa nhận, nên xảy ra tranh chấp, cần phải xem xét giải quyết.

Đối với "Giấy nhận khất nợ" ngày 21/01/2017 là bản gốc do nguyên đơn bà L giao nộp đã bị xé rách, nhưng vết ghép tại vị trí chữ ký của bà L và bà H không khớp nhau nên không có giá trị về mặt chứng cứ. Ngoài ra, bà L giao nộp các tài liệu, chứng cứ là bản photo để chứng minh ngày 21/01/2017, bà H tính lãi

70.000.000đồng trên số nợ gốc 200.000.000đồng, nhưng không xuất trình được bản gốc các tài liệu trên nên không có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, qua lời khai của các đương sự, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định trong thời gian từ ngày 21/01/2017 đến ngày 04/3/2017 bà L đã trả cho bà H tổng cộng 270.000.000đồng, gồm 03 lần là thực tế, cụ thể:

- Lần 1, bà H thừa nhận đã viết giấy với nội dung "ngày 21/01/2017, H nhận chị L C (Hoàng Thị L thôn 18 EaRiêng) số tiền 100.000.000đồng chị L trả cho món vay ngày 05/02/2016. Chị L vay H là 230.000.000đồng". Về tài liệu, chứng cứ cho nội dung này, bà L giao nộp 01 bản photo có toàn vẹn nội dung và chữ ký của bà H và người chứng kiến là ông Hồ Văn M và 01 bản gốc bị xé, không còn phần chữ ký của bà H và ông M. Bà H trình bày sau khi viết giấy, bà L không trả tiền cho bà H nên bà H đã xé bỏ, do đó tờ giấy trên không còn giá trị. Trình bày này của bà H không phù hợp với trình bày của người làm chứng là ông Hồ Văn M. Ông M xác nhận có chứng kiến việc bà L trả tiền nợ cho bà H và có ký làm chứng trong văn bản thỏa thuận giữa hai bên. Tuy ông M không nhớ cụ thể về thời gian và số tiền bà L trả nợ cho bà Hạnh, nhưng ông xác nhận vào dịp tết âm lịch năm 2017 là phù hợp với ngày 21/01/2017. Về tài liệu do bà L giao nộp bản gốc không còn nguyên vẹn, tuy nhiên lời trình bày của bà H là không phù hợp. Bởi lẽ, nếu bà H xé bỏ tờ giấy ngay sau khi viết vì lý do bà L không trả tiền thì bà L không thể có bản photo với toàn vẹn nội dung để giao nộp kèm theo bản gốc được. Từ các lập luận này, khẳng định ngày 21/01/2017, bà L đã trả cho bà H 100.000.000đồng là thực tế.

- Lần 2, ngày 16/01/2017 (âm lịch), bà H viết giấy với nội dung "H nhận L số tiền 20.000.000 đồng". Tài liệu bà L giao nộp không có bản gốc nhưng đã được bà H thừa nhận đã nhận của bà L số tiền này. Bà H cho rằng bà L trả bà H 20.000.000đồng là tiền bà L trả cho khoản nợ khác. Tuy nhiên, bà H không chứng minh được khoản nợ khác mà bà L có nghĩa vụ trả cho mình. Mặt khác, thời gian trả nợ là ngày 16/01/2017 âm lịch, phù hợp với nội dung bà L hẹn trả nợ tại các tài liệu photo do bà L giao nộp đề ngày 21/01/2017. Từ đó, có đủ cơ sở để chứng minh ngày 16/01/2017 âm lịch, bà L trả thêm cho bà H 20.000.000đồng trong số nợ 200.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 05/4/2016.

- Lần 3, bà H thừa nhận đến đầu tháng 3/2017 bà L trả xong nợ cho bà Hạnh; bà Dương Thị Phương L1 khai ngày 04/3/2017 bà cho bà L vay 150.000.000đồng để bà L trả nợ cho bà H, lời khai này là phù hợp với lời khai của bà L.

Bà H trình bày số nợ gốc và tiền lãi, được bà L trả làm nhiều lần nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh.

Từ các lẽ trên, khẳng định từ ngày 21/01/2017 đến ngày 04/3/2017, bà L đã trả cho bà H 270.000.000 đồng tiền theo giấy nhận nợ ngày 05/4/2016 (thực tế từ số nợ gốc 230.000.000 đồng vay ngày 05/02/2016) trong đó có 70.000.000 đồng tiền lãi.

Tại thời điểm các bên xác lập giao dịch, Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Lãi suất vay theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự

2005 quy định *"Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng"*. Lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm giao dịch là 9%/năm. Do đó lãi suất vay do các bên thỏa thuận tối đa không được vượt quá 13,5%/năm (1,125%/tháng).

Bà L yêu cầu tính tiền lãi trên số nợ gốc theo lãi suất 1,125%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. HĐXX cần xem xét tính toán lại tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày vay 05/02/2016 đến ngày bà L trả nợ xong cho bà H. Căn cứ vào dư nợ gốc tại 04 thời điểm bà L trả nợ cho bà Hạnh, số tiền lãi phát sinh, bà L phải trả cho bà H được tính như sau:

- Tiền lãi từ ngày 05/02/2016 - 05/4/2016 (ngày bà P trả nợ cho bà H thay bà L) là 5.104.109đồng$^{(L1)}$ = (60 ngày x 230.000.000 đồng) : 365 ngày x 13,5%/năm.

-Tiền lãi từ ngày 06/4/2016 - 21/01/2017 là 21.452.054đồng$^{(L2)}$ = (290 ngày x 200.000.000 đồng) : 365 ngày x 13,5%/năm.

-Tiền lãi từ ngày 21/01/2017 – 12/02/2017 (tức 16/01/2017 âm lịch) là 813.698đồng $^{(L3)}$ = (22 ngày x 100.000.000đồng) : 365 ngày x 13,5%/năm.

- Tiền lãi từ ngày 12/02/2017 – 04/3/2017 là 591.780đồng$^{(L4)}$ = (20 ngày x 80.000.000đồng) : 365 ngày x 13,5%/năm.

Tổng cộng tiền lãi tính theo quy định của pháp luật là 27.961.641đồng$^{(L1+L2+L3+L4)}$ (làm tròn thành 27.962.000đồng). Số tiền lãi thực tế mà bà L đã trả cho bà H là 70.000.000 đồng là cao hơn so với quy định của pháp luật. Bà H cần phải trả lại cho bà L số tiền lãi vượt quá là 42.038.000đồng*(70.000.000 đồng –27.962.000đồng)*. Theo đơn khởi kiện, bà L yêu cầu bà H phải trả lại cho bà L 43.675.000đồng, nên HĐXX bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà L 1.637.000đồng (43.675.000đồng "bà L yêu cầu bà H phải trả" trừ 42.038.000đồng "HĐXX buộc bà H phải trả lại cho bà L"

[3] Về án phí:

- Yêu cầu của nguyên đơn bà Hoàng Thị L được chấp nhận một phần, nên bà L phải chịu 300.000đồng tiền án phí về yêu cầu không được HĐXX chấp nhận.

- Bị đơn bà Võ Thị Hồng H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.102.000đồng (42.038.000đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 288, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Loan: Buộc bị đơn bà Võ Thị Hồng H phải trả lại cho bà Hoàng Thị L 42.038.000đồng (Bốn mươi hai triệu không trăm ba mươi tám ngàn đồng), tiền lãi mà bà H đã nhận của bà L vượt quá so với quy định của pháp luật theo hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị L về yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Hồng H phải trả lại cho bà Hoàng Thị L 1.637.000đồng tiền lãi.

3. Về án phí:

- Bà Võ Thị Hồng H phải chịu 2.102.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000đồng tiền án phí Dân sự sự sơ thẩm. được khấu trừ vào số tiền 1.092.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006161 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M"Đrăk. Trả lại cho bà L 792.000đồng.

3.Thông báo quyền kháng cáo.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện M'Đrắk;
-Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrắk;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương